

Số: 128 /QĐ-TTGDNN&SHLXĐL

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Quản lý nghề đào tạo lái xe

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ SÁT HẠCH LÁI XE ĐẮK LẮK

Căn cứ Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp;

Căn cứ Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp;

Căn cứ Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ Giao thông vận tải, quy định về việc đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Căn cứ các Nghị định sửa đổi của Chính phủ số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018, số 70/2022/NĐ-CP ngày 27/09/2022 và các Thông tư sửa đổi bổ sung: số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019, số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021, số 04/2022/TT-BGTVT ngày 22/04/2022 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý nghề đào tạo lái xe của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và sát hạch lái xe Đắk Lắk;

Điều 2. Hiệu lực thi hành:

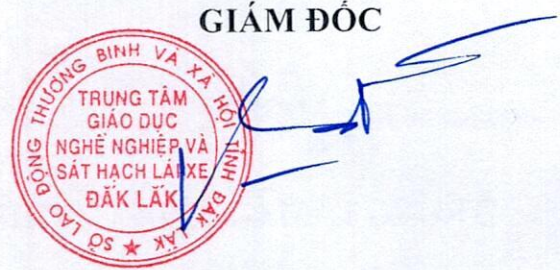
- Quyết định này thay thế Quyết định số 80/QĐ-TTGDNN&SHLX ngày 09/6/2023 của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và sát hạch lái xe Đắk Lắk;

- Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Phòng nghiệp vụ; các Tổ, bộ môn và các cá nhân có liên quan thuộc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và sát hạch lái xe Đắk Lắk chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cty. TNHH GDNN Thịnh Phát (b/c);
- GD, các PGD (b/c);
- Lưu VT.



Nguyễn Ngọc Thắng

TRUNG TÂM GDNN & SHLX ĐẮK LẮK

**QUY CHẾ QUẢN LÝ NGHỀ
ĐÀO TẠO LÁI XE**

ĐẮK LẮK, NĂM 2023



QUY CHẾ QUẢN LÝ NGHỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-TTGDNN&SHLXDL, ngày 28 tháng 07 năm 2023)



CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích.

Nhằm thống nhất trong Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và sát hạch lái xe Đắc Lắc (sau đây gọi tắt là Trung tâm) về công tác quản lý đào tạo lái xe;

Nâng cao chất lượng quản lý, đào tạo ngăn chặn và chống tiêu cực trong công tác đào tạo lái xe.

2. Yêu cầu.

Sau khi quy chế có hiệu lực tất cả các Phòng nghiệp vụ; các Tổ, bộ môn và các cá nhân có liên quan thuộc Trung tâm căn cứ các nội dung thực hiện nghiêm túc.

3. Phạm vi, đối tượng áp dụng.

Quy định này áp dụng với các đối tượng là giáo viên, học viên các lớp học nghề lái xe hạng B, C;

Các Phòng nghiệp vụ; các Tổ, bộ môn, nhân viên tham gia tuyển sinh, Giáo viên giảng dạy, quản lý có liên quan tới công tác đào tạo lái xe.

CHƯƠNG II: CÔNG TÁC TUYỂN SINH

1. Lưu lượng đào tạo:

Lưu lượng: Căn cứ theo Giấy phép đào tạo lái xe hiện hành.

Thời gian: Căn cứ theo kế hoạch đào tạo, trong đó:

- Hạng B1, B2: Từ 3,5 đến 04 tháng.

- Hạng C: Từ 5,5 đến 6,5 tháng.

2. Quy trình tuyển sinh:

- Đối tượng tuyển sinh, điều kiện dự tuyển được quy định trong Luật giao thông đường bộ và Quy định về đào tạo lái xe do Bộ Giao thông vận tải ban hành.

- Quy trình tuyển sinh gồm các bước cụ thể sau:

Bước 1: Học viên nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định, bộ phận tuyển sinh rà soát kiểm tra nếu có sai hoặc thiếu học viên phải bổ sung đầy đủ. Chỉ được tiếp nhận hồ sơ và ghi danh sách đăng ký nhập học khi hồ sơ hợp lệ.

Bước 2: Căn cứ tiến độ đào tạo khi nhận đủ hồ sơ theo khóa học. Giám đốc Trung tâm ra Quyết định mở lớp theo Quy chế tuyển sinh học nghề;

Danh sách xếp lớp phải ghi rõ ràng, đầy đủ số lượng học viên, danh sách trích ngang nếu trường hợp có sự thay đổi trong danh sách phải có giải trình cụ thể;

Sau khi được phê duyệt danh sách, bộ phận tuyển sinh phải thông báo cho học viên thông tin: khóa học, thời gian khai giảng, bẻ giảng dự kiến, thời khóa biểu và danh sách giáo viên hướng dẫn lý thuyết, thực hành.

Bước 3: Học viên nhập học theo giấy thông báo, trong quá trình học phải nộp học phí, lệ phí đầy đủ theo quy định của khóa học; ký hợp đồng đào tạo với Công ty TNHH GDNN Thịnh Phát (sau đây gọi tắt là Công ty).

3. Tổ chức tuyển sinh ngoài trụ sở chính:

- Giám đốc Công ty ra quyết định mở địa điểm đặt Phòng ghi danh tuyển sinh tập trung và điều động, bổ nhiệm nhân sự theo quy định.

- Các Phòng ghi danh tuyển sinh phải công khai mức thu học phí, lệ phí của Công ty tại văn phòng để học viên biết khi đăng ký học.

- Giáo viên, nhân viên *không được tự ý đặt biển hay mở Phòng ghi danh lấy tên Công ty hoặc Trung tâm để tuyển sinh trái phép.*

CHƯƠNG III:

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

1. Công tác lập kế hoạch.

Sau khi được phê duyệt danh sách nhập học, thống nhất thời gian khai giảng khoá học, phòng Đào tạo lập kế hoạch đào tạo theo đúng quy định như: Phân công giáo viên giảng dạy, phân công xe tập lái, lập thời khóa biểu, tiến độ đào tạo, phân công xe cho giáo viên và các hồ sơ khác có liên quan trình lãnh đạo phê duyệt.

2. Khai giảng khoá học.

Trung tâm có trách nhiệm làm thủ tục khai giảng khóa học, phổ biến các quy định liên quan đến công tác đào tạo lái xe.

3. Tổ chức đào tạo.

Phòng Đào tạo có trách nhiệm lập kế hoạch đào tạo trình giám đốc phê duyệt; thường xuyên theo dõi, kiểm tra quá trình đào tạo của các khóa học theo quy định.

Tổ Giáo viên có trách nhiệm điều phối giáo viên dạy đảm bảo đúng kế hoạch đã phân công.

Tổ Thiết bị có trách nhiệm điều phối xe tập lái, bảo trì bảo dưỡng xe, chuẩn bị phòng học, tổng kết hóa đơn nhiên liệu nộp về Phòng đào tạo tổng hợp.

Sau khi đã vào học, giáo viên chủ nhiệm sinh hoạt lớp, phổ biến nội quy lớp học và bầu ban cán sự lớp.

4. Phân phối chương trình.

Theo Văn bản hợp nhất số 19/VBHN-BGTVT ngày 09 tháng 06 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải.

5. Học lý thuyết.

Các môn học lý thuyết:

- Luật Giao thông đường bộ;
- Cấu tạo ô tô và sửa chữa thông thường;
- Nghiệp vụ vận tải;

- Đạo đức người lái xe;

- Kỹ thuật lái xe.

(Kiểm tra tất cả các môn học trong quá trình học; môn Cấu tạo và Sửa chữa thông thường và môn Nghiệp vụ vận tải đối với hạng B2 học viên có thể tự học nhưng phải được cơ sở đào tạo kiểm tra, theo hướng dẫn tại Văn bản hợp nhất số 19/VBHN-BGTVT ngày 09 tháng 06 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải).

6. Học thực hành:

Phòng Đào tạo xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với điều kiện sân bãi, xe tập lái và địa hình đường giao thông trên địa bàn tỉnh trình Giám đốc trung tâm phê duyệt, chương trình đào tạo không được trái về nội dung của Bộ Giao thông vận tải ban hành;

Việc học thực hành phải tuân thủ theo đúng quy định của Bộ Giao thông vận tải, số km phải thực hiện của từng học viên, số nhiên liệu sử dụng cho từng học viên/khóa học. Học thực hành phải tuân thủ theo nguyên tắc học tuân tự từ đơn giản đến phức tạp: Số nguội -> số nóng ...-> Bài tổng hợp theo chương trình đào tạo lái xe hiện hành.

Trước khi triển khai học thực hành lái xe giáo viên và học sinh phải ký cam kết:

- Đối với học viên:

+ Học đúng, đủ số km và số giờ học thực hành trên đường theo đúng chương trình, kế hoạch của Trung tâm;

+ Không có hành vi gian dối trong quá trình học tập thực hành lái xe.

- Đối với giáo viên:

+ Dạy đúng, đủ số km và số giờ dạy thực hành lái xe theo đúng chương trình, kế hoạch của Trung tâm;

+ Không có hành vi gian dối trong công tác giảng dạy đối với quá trình học thực hành lái xe của học viên;

+ Giảng dạy đúng hạng giáo viên theo Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

6.1. Các bài tập lái trong sân tập lái.

- Tập lái tại chỗ số nguội;

- Tập lái xe tại chỗ số nóng;

- Tập lái xe trong bãi phẳng;

- Tập lái xe trong hình số 3, số 8 ghép; tiến lùi theo hình chữ chi;

- Tập lái xe trên đường bằng;

- Tập lái trên Cabin học lái xe ô tô;

- Bài tập lái tổng hợp.

6.2. Các bài thực hiện trên tuyến đường giao thông công cộng trong giấy phép xe tập lái.

- Tập lái trên đường trung du, đèo núi;

- Tập lái xe trên đường phức tạp;

- Tập lái ban đêm;
- Tập lái xe số tự động;
- Tập lái xe có tải.

Chú ý:

- Khi học viên nghỉ học phải có giấy xin phép và phải học bù số giờ thiếu;
- Học sinh khi nghỉ không có lý do, tự tiện nghỉ học thì kinh phí học lại học viên phải tự túc.

7. Nghỉ học tạm thời

7. 1. Người học được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động đi làm nghĩa vụ quân sự, công an nghĩa vụ, thanh niên xung phong;

b) Bị ốm đau hoặc tai nạn phải điều trị dài ngày, nhưng phải có giấy xác nhận của bệnh viện hoặc cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền;

c) Trường hợp vì nhu cầu cá nhân, người học phải có đủ các điều kiện sau:

- Đã học xong ít nhất: phần lý thuyết; phần thực hành lái xe trên đường; phần thực hành lái xe trên sân tập lái.

7. 2. Người học, khi muốn trở lại học tiếp tại cơ sở đào tạo sơ cấp, phải có đơn đề nghị xin học lại gửi cho Trung tâm ít nhất 5 (năm) ngày làm việc trước khi bắt đầu kỳ học, đợt học mới.

7. 3. Thủ tục nghỉ học tạm thời, được bảo lưu kết quả đã học: Phải có Đơn xin nghỉ học tạm thời (nêu rõ lý do) và phải được Giám đốc cơ sở đào tạo chấp thuận.

8. Buộc thôi học, tự thôi học

Người học bị buộc thôi học trong quá trình học, nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học.
- Đã hết thời gian đào tạo tối đa đối với chương trình đào tạo theo quy định.

9. Tuyển đường tập lái: Theo giấy phép của sở GTVT cấp.

10. Xe tập lái:

- Xe tập lái dùng để đào tạo lái xe ô tô phải đủ điều kiện về đào tạo lái xe theo quy định.

- Giáo viên được giao quản lý xe có trách nhiệm quản lý và sử dụng chiếc xe để phục vụ công tác đào tạo lái xe cơ giới đường bộ theo đúng chương trình, kế hoạch của Trung tâm; không sử dụng xe vào mục đích khác ngoài những mục đích công việc do Trung tâm giao cho.

11. Yêu cầu.

11.1. Đối với giáo viên.

Giảng dạy theo đúng phân phối chương trình, tuân thủ theo đúng quy định về công tác chuyên môn, quy chế kiểm tra, thi. Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, sổ sách theo quy định cho các khoá đào tạo.

11.2. Đối với học viên.

Sau khi học xong học viên nắm được:

- Các quy định của Luật Giao thông đường bộ và hệ thống biển báo hiệu đường bộ Việt Nam; trách nhiệm của người lái xe trong việc tự giác chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ;

- Tác dụng, cấu tạo và nguyên lý làm việc của các cụm, hệ thống chính trên xe ô tô thông dụng. Biết một số đặc điểm kết cấu của ô tô hiện đại; yêu cầu kỹ thuật của công tác kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên; biết được chế độ bảo dưỡng định kỳ, kiểm tra điều chỉnh và sửa chữa được các hỏng hóc thông thường của ô tô trong quá trình hoạt động trên đường;

- Trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người lái xe; các thủ tục, phương pháp giao nhận, chuyên chở hàng hoá, phục vụ hành khách trong quá trình vận tải;

- Điều khiển được phương tiện cơ giới đường bộ (ghi trong giấy phép lái xe) tham gia giao thông an toàn trên các loại địa hình, trong điều kiện thời tiết khác nhau, xử lý các tình huống để phòng tránh tai nạn giao thông.

12. Công tác kiểm tra - giám sát.

- Phòng đào tạo chịu trách nhiệm chính trong quá trình quản lý, kiểm tra giám sát quá trình học tập của các khóa, lớp đào tạo;

- Mỗi khóa đào tạo lái xe phòng Đào tạo kiểm tra ít nhất 01 lần. Khi kiểm tra phát hiện vi phạm báo cáo lãnh đạo Trung tâm xử lý theo quy định.

13. Công tác giáo vụ.

Phòng Đào tạo lưu toàn bộ hồ sơ khóa học, làm bảng điểm, tổng kết theo quy định.

CHƯƠNG IV:

THI, KIỂM TRA VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

1. Kiểm tra trong quá trình học tập.

- Kiểm tra kết thúc môn học

TT	Môn	Số bài kiểm tra kết thúc MH
1	Luật Giao thông đường bộ	1
2	Cấu tạo và sửa chữa thông thường	1
3	Nghị vụ vận tải	1
4	Đạo đức người lái xe và văn hóa giao thông	1
5	Kỹ thuật lái xe	1
6	Thực hành lái xe hạng B	1
7	Thực hành lái xe hạng C	1

- Các môn học lý thuyết: Luật GTĐB, Nghiệp vụ vận tải; Kỹ thuật lái xe; Cầu tạo và sửa chữa thông thường; Đạo đức người lái xe và văn hóa giao thông. Phương pháp kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra sau khi vào Sổ điểm phát lại cho học viên.

2. Điều kiện dự kiểm tra kết thúc khoá học (thi Tốt nghiệp).

Căn cứ Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Căn cứ Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015.

3. Kiểm tra cấp chứng chỉ tốt nghiệp.

Kiểm tra cấp chứng chỉ khi kết thúc khóa học bao các môn (Luật Giao thông đường bộ theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết; kỹ năng lái xe bài tiến lùi Chữ chi, kỹ năng thực hành lái xe với 11 bài thi liên hoàn (Hạng B), 10 bài thi liên hoàn (Hạng C) và kỹ năng lái xe trên đường). Người học trong quá trình kiểm tra các môn học nếu không đạt yêu cầu (*theo thang điểm quy định*) một trong những môn nêu trên, thì phải tự ôn luyện và được kiểm tra lại.

3.1. Phần lý thuyết (Môn Luật Giao thông đường bộ):

- Kiểm tra trên máy tính, các câu hỏi đã có sẵn trong bộ đề thi Cục Đường bộ Việt Nam.

- Hội đồng kiểm tra đánh giá kết quả chấm điểm tự động trên máy tính:

+ Hạng B1 27/30 trở lên, B2: Từ 32/35 điểm trở lên. Rơi vào điểm liệt thì không đạt kết quả.

+ Hạng C: Từ 36/40 điểm trở lên. Rơi vào điểm liệt thì không đạt kết quả.

** Trường hợp người học không đạt kết quả kiểm tra thì phải tự học và được kiểm tra lại.*

3.2. Phần thực hành lái xe.

- Kiểm tra bài tập tổng hợp trên sân tập lái hoặc sân sát hạch của Trung tâm theo bảng điểm quy định của bài tập tổng hợp (*điểm đạt yêu cầu từ 80 điểm trở lên*).

- Kỹ năng tiến lùi hình chữ chi (*điểm đạt yêu cầu từ 16 đến 20 điểm*);

- Kỹ năng lái xe trên đường (*điểm đạt yêu cầu từ 15 đến 20 điểm*);

** Lưu ý: Những học viên điểm thi đạt thấp hơn mức quy định, thì học viên phải tự học và được kiểm tra lại.*

4. Thang điểm quy đổi

4.1. Môn Luật GTĐB

- Kiểm tra trên máy tính.; các câu hỏi đã có sẵn trong bộ đề thi Cục Đường bộ Việt Nam.

- Điểm đạt yêu cầu:

+ Hạng B1 27 trở lên; B2: Từ 32 điểm trở lên, rơi vào điểm liệt thì không đạt kết quả.

+ Hạng C: Từ 36 điểm trở lên, rơi vào điểm liệt thì không đạt kết quả.

Bảng thang điểm quy đổi môn Luật GTĐB đối với hạng B1

TT	Điểm đạt được (Thang điểm 30)	Điểm quy đổi (Thang điểm 10)	Ghi chú
1	30	10	Đạt yêu cầu
2	29	9	Đạt yêu cầu
3	28	8	Đạt yêu cầu
4	27	7	Đạt yêu cầu
5	26	4,5	Không đạt yêu cầu
6	25	4	Không đạt yêu cầu
7	24	3	Không đạt yêu cầu
8	23	2	Không đạt yêu cầu
9	22	1	Không đạt yêu cầu
10	Từ 22 điểm trở xuống	0	Không đạt yêu cầu

Bảng thang điểm quy đổi môn Luật GTĐB đối với hạng B2

TT	Điểm đạt được (Thang điểm 35)	Điểm quy đổi (Thang điểm 10)	Ghi chú
1	35	10	Đạt yêu cầu
2	34	9	Đạt yêu cầu
3	33	8	Đạt yêu cầu
4	32	7	Đạt yêu cầu
5	31	4,5	Không đạt yêu cầu
6	30	4	Không đạt yêu cầu
7	29	3	Không đạt yêu cầu
8	28	2	Không đạt yêu cầu
9	27	1	Không đạt yêu cầu
10	Từ 26 điểm trở xuống	0	Không đạt yêu cầu

Bảng thang điểm quy đổi môn Luật GTĐB đối với hạng C

CTT	Điểm đạt được (Thang điểm 40)	Điểm quy đổi (Thang điểm 10)	Ghi chú
1	40	10	Đạt yêu cầu
2	39	9	Đạt yêu cầu
3	38	8	Đạt yêu cầu
4	37	7	Đạt yêu cầu
5	36	6	Đạt yêu cầu
6	35	4,5	Không đạt yêu cầu
7	34	4	Không đạt yêu cầu
8	Từ 33 điểm trở xuống	0	Không đạt yêu cầu

4.2. Môn học Thực hành lái xe, kiểm tra các phần sau:

- Kỹ năng lái xe trong hình (điểm đạt yêu cầu từ 80 đến 100 điểm);
- Kỹ năng lái xe trên đường (điểm đạt yêu cầu từ 15 đến 20 điểm);
- Kỹ năng tiến lùi hình chữ chi (điểm đạt yêu cầu từ 16 đến 20 điểm);

**Bảng thang điểm quy đổi phần Kỹ năng thực hành lái xe trong hình
11 bài tổng hợp (hạng B1; B2), 10 bài (hạng C).**

TT	Điểm đạt được (Thang điểm 100)	Điểm quy đổi (Thang điểm 10)	Ghi chú
1	99÷ 100	10	Đạt yêu cầu
2	95÷ 98	9	Đạt yêu cầu
3	91÷ 94	8	Đạt yêu cầu
4	87÷ 90	7	Đạt yêu cầu
5	83÷ 86	6	Đạt yêu cầu
6	80÷ 82	5	Đạt yêu cầu
7	75÷ 79	4	Không đạt yêu cầu
8	70÷ 74	3	Không đạt yêu cầu
9	65÷ 69	2	Không đạt yêu cầu
10	60÷ 64	1	Không đạt yêu cầu
11	Dưới 60 điểm	0	Không đạt yêu cầu

Bảng thang điểm quy đổi phần Kỹ năng tiến lùi hình chữ chi (B1;B2, C)

TT	Điểm đạt được (Thang điểm 20)	Điểm quy đổi (Thang điểm 10)	Ghi chú
1	20	10	Đạt yêu cầu
2	19	9	Đạt yêu cầu
3	18	8	Đạt yêu cầu
4	17	7	Đạt yêu cầu
5	16	6	Đạt yêu cầu
6	Từ 15 điểm trở xuống	0	Không đạt yêu cầu

Bảng thang điểm quy đổi phần Kỹ năng lái xe trên đường (B1;B2,C)

TT	Điểm đạt được (Thang điểm 100)	Điểm quy đổi (Thang điểm 10)	Ghi chú
1	99÷ 100	10	Đạt yêu cầu
2	95÷ 98	9	Đạt yêu cầu
3	91÷ 94	8	Đạt yêu cầu
4	87÷ 90	7	Đạt yêu cầu
5	83÷ 86	6	Đạt yêu cầu
6	80÷ 82	5	Đạt yêu cầu
7	75÷ 79	4	Không đạt yêu cầu
8	70÷ 74	3	Không đạt yêu cầu
9	65÷ 69	2	Không đạt yêu cầu
10	60÷ 64	1	Không đạt yêu cầu
11	Dưới 60 điểm	0	Không đạt yêu cầu

5. Điều kiện xét dự thi tốt nghiệp

- Học viên đã hoàn thành nghĩa vụ đóng đủ học phí và lệ phí thi.
- Thời gian học lý thuyết các môn (trên 70%).

- Hoàn thành thời gian học và số Km thực hành các bài trên đường theo quy định với các bài tập: *Tập lái xe trên đường đèo núi, Tập lái xe trên đường phức tạp, Tập lái xe có tải, Tập lái xe ban đêm, Tập lái xe với xe có hộp số tự động* trên xe có thiết bị giám sát thời gian và quãng đường (DAT).

- Thời gian học thực hành các bài tổng hợp trong hình (trên 80%).

- Học viên đã thi Đạt các bài thi kết thúc khóa học (*Số điểm trung bình các môn đều đạt từ 5,0 điểm trở lên, không có học sinh nào điểm trung bình dưới 5,0 điểm*).

- Về rèn luyện phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật: Học sinh không vi phạm tổ chức kỷ luật.

CHƯƠNG V:

THU HỌC PHÍ, PHỤ PHÍ, LỆ PHÍ

I. Quy định chung.

1. Học phí là khoản đóng góp của học viên, tạo nguồn kinh phí để trang trải toàn bộ chi cho cơ sở đào tạo lái xe cơ giới đường bộ. Học phí do Công ty xây dựng mức thu theo từng loại đào tạo thực tế tại Trung tâm và ban hành theo quy định pháp luật, được công khai tại Trung tâm và các điểm tuyển sinh để học viên biết khi đăng ký học.

2. Lệ phí thi tốt nghiệp, lệ phí thi lại tốt nghiệp là phần đóng góp của học viên để Trung tâm trang trải tổ chức kỳ thi Tốt nghiệp, do Công ty xây dựng mức thu và ban hành theo quy định pháp luật và công khai tại Trung tâm và các điểm tuyển sinh để học viên biết khi đăng ký học.

3. Lệ phí thi Sát hạch và cấp Giấy phép lái xe là phần thu hộ trả cho Sở Giao thông vận tải.

4. Công ty trực tiếp thu học phí, lệ phí thi tốt nghiệp và tổ chức hạch toán quản lý theo từng loại đào tạo thực tế tại cơ sở.

5. Học viên phải hoàn thiện toàn bộ học phí, lệ phí thi cho Công ty trước khi thi tốt nghiệp.

II. Quy định cụ thể.

1. Phương thức thu học phí

- Đối với các hình thức đào tạo để cấp Giấy phép lái xe hạng A1 và các hình thức bổ túc chuyển hạng Giấy phép lái xe; người đi học nộp một lần ngay khi vào học.

- Đối với các hình thức đào tạo để cấp Giấy phép lái xe các hạng B1, B2, C người đi học nộp một khoản cọc ngay khi đăng kí vào học, học phí còn lại nộp tiếp trong thời gian học và trước khi dự thi tốt nghiệp theo quy định của Công ty.

- Trường hợp trong quá trình đào tạo khi Nhà nước điều chỉnh giá xăng dầu tăng hoặc giảm từ 5% trở lên so với giá trong quyết định mức thu của cơ sở đào tạo; căn cứ vào chương trình đào tạo có sử dụng xăng dầu tính đến thời điểm Nhà nước điều chỉnh giá xăng dầu; trong phạm vi 7 ngày làm việc, cơ sở đào tạo tính toán số học phí học viên phải trả tăng hoặc giảm so với mức thu học phí của cả khoá học để xác định số học phí phải thu thêm hoặc trả lại học viên cùng với thời điểm thu học phí lần hai. Việc điều chỉnh mức thu học phí do Nhà nước điều chỉnh giá xăng dầu phải công khai đến từng học viên.

2. Quản lý học phí đào tạo lái xe cơ giới đường bộ:

Do Công ty TNHH GDNN Thịnh Phát quản lý.

2.1. Nội dung chi:

- Tiền lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo lương;
- Tiền công;
- Chi quản lý: dịch vụ công cộng, văn phòng phẩm;
- Chi mua xăng, dầu phục vụ công tác đào tạo;
- Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản phục vụ đào tạo;
- Chi mua sắm laptop, bình điện và thiết bị khác phục vụ công tác đào tạo;
- Chi kiểm định xe ô tô, bảo hiểm xe theo chế độ quy định;
- Trích khấu hao tài sản cố định;
- Chi trả lãi tiền vay (nếu có);
- Các khoản chi khác phục vụ công tác đào tạo.

2.2. Về cơ chế tài chính của Trung tâm:

- Nguồn tài chính phụ thuộc Công ty TNHH GDNN Thịnh Phát.

3. Quản lý lệ phí thi lại:

Giám đốc Công ty TNHH GDNN Thịnh Phát ban hành mức thu Lệ phí thi căn cứ vào Bảng xây dựng định mức chi phí cho kỳ thi.

3.1. Nội dung thu:

- Học viên thi lại Tốt nghiệp đóng lệ phí trước khi dự thi.

3.2. Nội dung chi:

- Chi tiền công trả cho Giáo viên chấm thi và nhân viên phục vụ kì thi.
- Chi mua nước uống cho học viên.
- Chi văn phòng phẩm.
- Chi mua nhiên liệu và thuê xe ô tô chấm thi.
- Chi khác theo quy định (nếu có).

4. Quản lý lệ phí thi Sát hạch và Cấp Giấy phép lái xe:

4.1. Nội dung thu:

Tổ chức thu theo Hợp đồng thu hộ và mức thu theo quy định của Bộ Tài chính:

4.2. Phương thức thu:

- Thu lệ phí trước khi thi sát hạch, kế toán Công ty căn cứ theo danh sách mới đạt tốt nghiệp để thu lệ phí sát hạch và cấp bằng.

- Học viên thi rớt phần thi nào thì đóng lệ phí thi lại phần thi đó. Sau mỗi kì thi Kế toán tổng hợp Danh sách vắng, rớt sát hạch và phần lệ phí thi lại phải đóng. Học viên có mặt đi thi thực tế mới phải nộp lệ phí thi lại.

4.3. Nội dung chi:

Cuối mỗi kì sát hạch, kế toán chốt số tiền phải trả cho Hội đồng thi Sở Giao thông vận tải theo Biên bản Tổng hợp kết quả thi và chuyển toàn bộ số lệ phí thi thu hộ khi đến lấy Giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải.

Phần lệ phí Học viên đã đóng trước Công ty tạm lưu giữ, Kế toán lập Sổ theo dõi riêng. Nếu học viên có yêu cầu lấy lại (*bỏ thi*) thì trả lại cho học viên phần lệ phí còn lại (*căn cứ vào tình trạng thi rút sát hạch*).

CHƯƠNG VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trưởng phòng Đào tạo:

- Xây dựng tiến độ đào tạo, bố trí giáo viên, phương tiện theo kế hoạch;
- Thực hiện nghiêm các quy định của Bộ Giao thông vận tải về chương trình đào tạo và quy định quản lý đào tạo lái xe;
- Quản lý, theo dõi các phần mềm liên quan đến công tác đào tạo và sát hạch lái xe theo quy định;
- Hướng dẫn học sinh thu, nộp học phí, lệ phí theo quy định của Công ty.

2. Tổ trưởng các tổ Giáo viên:

- Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết để đảm bảo đào tạo lái xe được diễn ra hiệu quả và đạt được mục tiêu đề ra. Tổ phải tùy theo điều kiện tình hình thực tế bố trí giáo viên, xe tập lái đủ điều kiện theo quy định, nhằm đảm bảo phù hợp với chương trình, kế hoạch đào tạo của Trung tâm.

3. Tổ Thiết bị.

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tình trạng kỹ thuật và bảo quản xe tập lái;
- Xây dựng kế hoạch sử dụng xe, xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu của xe, định mức sử dụng nhiên liệu của học viên trong khóa thực hành theo đúng quy định;

4. Xử lý các trường hợp vi phạm.

4.1. Vi phạm về quản lý tài sản: Xử lý theo Quy định 84/NĐ - CP quy định về nội dung, quy trình, hình thức xử lý về công tác vi phạm trong sử dụng và quản lý tài sản công;

4.2. Vi phạm quy chế làm việc, quy định trong công tác đào tạo lái xe: thì xử lý theo pháp lệnh công chức, viên chức người lao động.

4.3. Một số hình thức xử lý vi phạm.

***Mức nhẹ: Đình chỉ giảng dạy, không trả tiền lương theo quy định của Công ty trong trường hợp giáo viên vi phạm một trong các nội dung sau:**

- Bỏ giờ, bỏ tiết hoặc trong thời gian hướng dẫn thực hành mà bỏ vị trí không có mặt trên xe tập lái, giáo viên chơi bài, uống rượu say trong giờ làm việc;

- Giáo viên có hành vi gợi ý nhận tiền của học sinh hoặc có hành vi gây khó khăn cho học viên.

- Giáo viên không hoàn thành chương trình, kế hoạch giảng dạy được phân công.

*** Mức nghiêm trọng: Cho thôi việc đối với những hành vi sau**

- Các hành vi không tuân thủ Quy chế quá từ 02 lần trở lên.
- Tự ý mở Phòng ghi danh, tuyển sinh trái phép gây thiệt hại mất uy tín của Công ty, Trung tâm.
- Cán bộ, nhân viên có hành vi giả mạo hồ sơ tuyển sinh trái với quy định của pháp luật.
- Tự ý nghỉ việc không có lý do từ 02 ngày trở lên; không hoàn thành nhiệm vụ được giao gây ảnh hưởng đến hoạt động của Trung tâm.

Trên đây là toàn bộ nội dung quy chế quản lý đào tạo lái xe của Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp và sát hạch lái xe Đắc Lắc. Trong quá trình thực hiện nếu điểm gì chưa phù hợp với thực tế sẽ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.